

Số: 1030/TB-VTS

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá Tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật số 37/2024/QH15 của Quốc hội: Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp: Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Giấy ủy quyền số 4286/GUQ-CNVTQĐ ngày 20/04/2026 về việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Tổng công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội;

Căn cứ Quyết định số 7230/QĐ-VTS ngày 07/07/2026 về việc thành lập Hội đồng xử lý tài sản của Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel;

Căn cứ Tờ trình số 8965/TTr-VTS-ĐT&QLTS ngày 10/08/2026 được Chủ tịch Tập đoàn phê duyệt đề xuất đề xuất phương án xử lý hàng hoá, vật tư hỏng, lỗi thời công nghệ, tồn kho không còn nhu cầu sử dụng tại Tổng công ty Giải pháp doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-VTS ngày 11/08/2026 về việc phê duyệt chủ trương xử lý hàng hoá vật tư hỏng, lỗi thời công nghệ, tồn kho không còn nhu cầu sử dụng tại Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel;

Căn cứ Quyết định số 10002/QĐ-VTS ngày 21/09/2026 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty về việc giá khởi điểm và phương thức bán hàng hoá, vật tư hỏng, lỗi thời công nghệ tồn kho không còn nhu cầu sử dụng tại Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel;

Tổng công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel thông báo công khai về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phục vụ xử lý hàng hóa, vật tư hỏng, lỗi thời công nghệ, tồn kho không còn nhu cầu sử dụng tại Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel. Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ của đơn vị có tài sản đấu giá

- Tên đơn vị: Tổng công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (VTS).

- Địa chỉ: Toà nhà Viettel, Số 1 Trần Hữu Dực, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá

- Tên tài sản: hàng hóa, vật tư hỏng, lỗi thời công nghệ, tồn kho không còn nhu cầu sử dụng tại Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel.

- Số lượng: 25.317 đơn vị hàng hoá là hàng hóa, vật tư hỏng, lỗi thời công nghệ, tồn kho không còn nhu cầu sử dụng (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

- Chất lượng:

TT	Nhóm hàng hoá	Số lượng hỏng	Số lượng tốt	Tổng số lượng
1	Recloser	18	857	875
2	Amione	133	20.155	20.288
3	Safeone SF1	1	3.964	3.965
4	Kênh truyền quốc tế	1	188	189
	Tổng cộng	153	25.164	25.317

3. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá

- Giá bán khởi điểm đã bao gồm thuế GTGT, làm tròn: **57.451.900 VNĐ** (Bằng chữ: Năm mươi bảy triệu, bốn trăm lăm mươi một nghìn, chín trăm đồng). Giá áp dụng cho việc bán cả lô hàng hoá, chưa bao gồm các chi phí liên quan đến việc giao nhận hàng hoá.

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản

- **Tiêu chí đánh giá và chấm điểm:** Đơn vị tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn là đơn vị có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại. Trường hợp có từ hai tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì người có tài sản đấu giá xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó.

- **Tiêu chí đánh giá và chấm điểm cụ thể như sau:**

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA	GHI CHÚ
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều	

		kiện	
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0	
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0	
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0	
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0	
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0	
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0	Có bản chụp hình ảnh chứng minh
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0	Có bản chụp hình ảnh chứng minh
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0	Kê khai đường link trang điện tử
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc đã thực hiện cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0	Có bản chụp văn bản của cơ quan thẩm quyền phê duyệt hoặc hợp đồng thuê trang thông tin đấu giá trực tuyến
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	Có bản chụp hình ảnh chứng minh
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0	
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0	

1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0	
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0	
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0	
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0	
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0	
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0	
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	15,0	Thống kê theo mẫu biểu 01 đính kèm thông báo
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0	
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0	
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0	
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0	
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0	Thống kê theo mẫu biểu 02 đính kèm thông báo
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0	
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0	
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0	
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0	
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0	
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0	
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0	
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0	
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0	
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng).	3,0	

	Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến số hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.		
4.1	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm</i>	3,0	
4.2	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3) / Y$</i>		
4.3	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức trên: Số điểm của C = $(V \times 3) / Y$</i>		
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	7,0	Có bản chụp văn bản của cơ quan thẩm quyền phê duyệt
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0	
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0	
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0	
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0	
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	4,0	
6.1	01 đấu giá viên	2,0	
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0	
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0	
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	4,0	Có bản chụp thẻ đấu giá viên
7.1	Dưới 05 năm	2,0	
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0	

7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0	
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	5,0	Có bản chụp thẻ đấu giá viên
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên	3,0	
8.2	Có từ 1 đến 3 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên	4,0	
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên	5,0	
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	5,0	Có bản chụp giấy nộp tiền, tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, thông báo của cơ quan thuế về việc xác nhận doanh nghiệp đã thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0	
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0	
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0	
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0	
1	Tổ chức hành nghề đấu giá có địa chỉ trụ sở chính ổn định ít nhất 5 năm (năm 2021, 2022, 2023, 2024, 2025) trên địa bàn thành phố Hà Nội.	1,0	
2	Trong 05 năm (năm 2021, 2022, 2023, 2024, 2025) đã từng ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó.	3,0	Thông kê theo mẫu biểu 03 đính kèm thông báo
3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có phương án tổ chức đấu giá phù hợp, trình bày hồ sơ khoa học và có đầy đủ tài liệu chứng minh cho từng tiêu chí.	3,0	Trình bày lần lượt theo từng tiêu chí chấm

			điểm từ trên xuống dưới
4	Tổ chức hành nghề đấu giá đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến từ 02 năm trở lên	1,0	
Tổng số điểm		100	

*** Lưu ý tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:**

- Nộp 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá kèm theo bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh cho các tiêu chí đánh giá và tự chịu trách nhiệm về tính trung thực, hợp pháp, đầy đủ, chính xác đối với thông tin các giấy tờ, tài liệu đó. Hồ sơ phải được đóng quyển, có chữ ký của người đại diện hợp pháp, đóng dấu và đóng dấu giáp lai hồ sơ, để trong túi đựng hồ sơ dán kín, có đóng dấu niêm phong của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

- Bố cục trình bày nội dung hồ sơ theo thứ tự các tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá quy định tại phụ lục I Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp.

- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình.

- Trường hợp trong hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá thiếu thông tin và tài liệu chứng minh của tiêu chí đánh giá nào thì tiêu chí đó không được chấm điểm.

- Nộp 01 (một) bản tự chấm điểm theo thông báo này, có con dấu, chữ ký của đại diện hợp pháp của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đóng kèm theo trong bộ hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ để lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 30./09/2026 đến 17h30 ngày 07./10./2026.

- Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Đầu tư và Quản lý Tài sản - Tổng công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội - Toà nhà Viettel, Số 1 Trần Hữu Dực, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Điện thoại: 0987064099.

- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi đảm bảo qua đường bưu điện trong giờ hành chính nhưng phải đảm bảo Viettel nhận

được hồ sơ đúng thời gian quy định trên (trước 17h30 ngày 07/10/2026). Hồ sơ đến sau 17h30 ngày 07/10/2026 được coi là không hợp lệ và sẽ không được xét chọn. Không hoàn trả hồ sơ đối với các trường hợp không được lựa chọn.

- Người đến nộp trực tiếp phải mang theo giấy giới thiệu của tổ chức hành nghề đấu giá và căn cước công dân.

Kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, Viettel sẽ thông báo công khai theo quy định pháp luật.

Tổng công ty Giải pháp doanh nghiệp Viettel thông báo để các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản biết và nộp hồ sơ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Website Viettel Solutions;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;
- Lưu: VT, VTS. Tung02.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Mạnh Hồ

PHỤ LỤC: DANH SÁCH HÀNG HOÁ VẬT TƯ NHÓM DỊCH VỤ IOT VÀ KÊNH TRUYỀN QUỐC TẾ TÒN KHO BÁN THANH LÝ

STT	Nhóm dịch vụ	Nhóm mặt hàng	Loại hàng hoá	Tên mã hàng hóa	DVT	Thành tiền theo chứng thư TĐG số 001/2026/636/VVFC-TT					Ghi chú
						Đơn giá hàng	Thành tiền hàng	Đơn giá tốt	Thành tiền tốt	Tổng cộng	
		TỔNG CỘNG					459.000		56.992.900	57.451.900	
1	IOT	Nhóm MH Ami.One	Thiết bị đo AMIONE Maestro 3G	Chiếc		3.000	372.000	7.500	1.507.500	1.879.500	Thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện tử xa
2	IOT	Nhóm MH Ami.One	TB TTDL công tơ điện tử AmiOne Senvi2G	Chiếc		3.000	27.000	7.500	1.410.000	1.437.000	Thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện tử xa
3	IOT	Nhóm MH Ami.One	Bộ modem Maestro M100 2G	Bộ		-	-	7.500	60.000	60.000	Thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện tử xa
4	IOT	Nhóm MH Ami.One	GPDN Modem Maestro M1002G_TH_UC3	Chiếc		-	-	7.500	105.000	105.000	Thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện tử xa
5	IOT	Nhóm MH Ami.One	GPDN Anten Modem Maestro M100 2G_TH_UC3	Chiếc		-	-	600	4.200	4.200	Thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện tử xa
6	IOT	Nhóm MH Ami.One	GPDN Modem GSM SV_E_TH_UC3	Chiếc		-	-	7.500	525.000	525.000	Thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện tử xa
7	IOT	Nhóm	Thiết bị	Chiếc							Thiết bị thu

		MH Ami.One	bị	DL AmiOne Senvi2G TH UC1		-	-	7.500	60.000	60.000	thập dư liệu công tơ điện từ xa
8	IOT	Nhóm MH Ami.One	Thiết bị	Thiết bị đo AMIONE Maestro 3G TH UC2	Chiếc	-	-	7.500	2.137.500	2.137.500	Thiết bị thu thập dư liệu công tơ điện từ xa
9	IOT	Nhóm MH Ami.One	Thiết bị	Thiết bị đo AMIONE Maestro 3G TH UC3	Chiếc	-	-	7.500	202.500	202.500	Thiết bị thu thập dư liệu công tơ điện từ xa
10	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	DKNCT Elster chuẩn RS232	Chiếc	-	-	1.500	2.497.500	2.497.500	Phụ kiện thiết bị thu thập dư liệu công tơ điện từ xa
11	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	DKNCT Landis chuẩn RS232	Chiếc	-	-	1.500	1.789.500	1.789.500	Phụ kiện thiết bị thu thập dư liệu công tơ điện từ xa
12	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	DKNCT Landis RS485, RS232/RS485	Chiếc	-	-	1.500	2.716.500	2.716.500	Phụ kiện thiết bị thu thập dư liệu công tơ điện từ xa
13	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	DKNCT Star DTS 27 chuẩn RS232	Chiếc	-	-	1.500	3.003.000	3.003.000	Phụ kiện thiết bị thu thập dư liệu công tơ điện từ xa
14	IOT	Nhóm MH	Vật tư	DKNCT Star DTS 27	Chiếc	-	-	1.500	1.318.500	1.318.500	Phụ kiện thiết bị thu

		Ami.One		RS485, RS232/RS485						thập dữ liệu công tơ điện từ xa
15	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	DKNCT GELEX RS485, RS232/RS485	Chiếc	-	-	1.500	2.080.500	Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa
16	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	DKNCT Genius RS232	Chiếc	-	-	1.500	181.500	Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa
17	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	DKNCT Genius RS232	Chiếc	-	-	1.500	783.000	Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa
18	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	Dây kết nối công tơ CPC chuẩn RS232	Chiếc	-	-	1.500	454.500	Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa
19	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	Dây công tơ GELEX chuẩn RS485- Servo2G	Chiếc	-	-	1.500	63.000	Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa
20	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	DKNCT DTS27 chuẩn RS485 - Servo2G	Chiếc	-	-	1.500	42.000	Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa

21	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	DKNCT Elster chuẩn RS232 - Senvi2G	Chiếc	-	-	1.500	42.000	42.000	Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa
22	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	Dây ctw Genius RS232 (ctw DB9)- Senvi2G	Chiếc	-	-	1.500	15.000	15.000	Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa
23	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	Dây ctw Genius RS232 (RJ45) - Senvi2G	Chiếc	-	-	1.500	15.000	15.000	Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa
24	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	DKNCT Shenzhen Star DTS27 232 - Senvi2G	Chiếc	-	-	1.500	60.000	60.000	Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa
25	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	Dây ctw CPC chuẩn RS232 - Senvi2G	Chiếc	-	-	1.500	15.000	15.000	Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa
26	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	Dây ctw Vinasino chuẩn RS485 - Senvi2G	Chiếc	-	-	1.500	15.000	15.000	Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa
27	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	Dây công tơ Psmart chuẩn RS485-	Chiếc	-	-	1.500	187.500	187.500	Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu

				Servi2G								công tơ điện từ xa
28	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	Dây Shenzhen Star DTS27 232 - Maestro3G	Chiếc	-	-	1.500	1.779.000	1.779.000		Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa
29	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	Dây nguồn AC	Chiếc	-	-	1.500	7.773.000	7.773.000		Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa
30	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	Adapter nguồn MAESTRO 3G	Chiếc	-	-	1.000	549.000	549.000		Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa
31	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	Anten 3G MAESTRO	Chiếc	-	-	600	958.200	958.200		Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa
32	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	Ăngten 3G	Bộ	-	-	600	6.000	6.000		Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa
33	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	GPDN Adapter nguồn Servi2G	Chiếc	-	-	1.000	138.000	138.000		Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa
34	IOT	Nhóm	Vật tư	GPDN Dây	Chiếc							Phụ kiện

		MH Ami.One		nguồn AC - Senvi2G		-	-	1.500	246.000	246.000	thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa
35	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	GPDN Anten Senvi2G	Chiếc	-	-	600	100.200	100.200	Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa
36	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	Ăngten 2G	Bộ	-	-	600	18.000	18.000	Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa
37	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	Cáp kết nối Modem GSM SV.E - ELSTER	Chiếc	-	-	600	51.000	51.000	Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa
38	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	Cáp Modem Maestro M100 2G- ELSTER_UC3	Chiếc	-	-	600	7.800	7.800	Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa
39	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	GPDN Nguồn Modem Maestro M100 2G_TH_UC3	Chiếc	-	-	1.000	5.000	5.000	Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa
40	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	GPDN Nguồn Modem GSM SV.E_TH_UC 3	Chiếc	-	-	1.000	5.000	5.000	Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện

											từ xa
41	IOT	Nhóm MH Ami.One	Vật tư	GPDN Anten Modem GSM SV.E_TH_UC 3	Chiếc	-	-	600	18.000	18.000	Phụ kiện thiết bị thu thập dữ liệu công tơ điện từ xa
42	IOT	Nhóm MH Reclouser	Thiết bị	TBGS và D.Khiển máy cắt Transparent	Bộ	-	-	4.500	72.000	72.000	Thiết bị giám sát máy cắt cho điện lực
43	IOT	Nhóm MH Reclouser	Thiết bị	TB giám sát điều khiển máy cắt RECLUSER	Chiếc	3.000	54.000	7.500	3.442.500	3.496.500	Thiết bị giám sát máy cắt cho điện lực
44	IOT	Nhóm MH Reclouser	Vật tư	Bộ Rơ le và vật tư máy cắt Heag	Bộ	-	-	30.000	750.000	750.000	Phụ kiện thiết bị giám sát máy cắt cho điện lực
45	IOT	Nhóm MH Reclouser	Vật tư	Cáp tín hiệu cho dòng máy cắt Cooper FXB	Bộ	-	-	1.500	151.500	151.500	Phụ kiện thiết bị giám sát máy cắt cho điện lực
46	IOT	Nhóm MH Reclouser	Vật tư	Cáp máy cắt Nulec ADVC, Noja, FXD...	Bộ	-	-	1.500	237.000	237.000	Phụ kiện thiết bị giám sát máy cắt cho điện lực
47	IOT	Nhóm MH Reclouser	Vật tư	Cáp tín hiệu cho dòng máy cắt Nulec PTCC	Bộ	-	-	1.500	91.500	91.500	Phụ kiện thiết bị giám sát máy cắt cho điện lực
48	IOT	Nhóm MH Reclouser	Vật tư	Cáp tín hiệu cho dòng máy cắt HEAG	Bộ	-	-	1.500	55.500	55.500	Phụ kiện thiết bị giám sát máy cắt

											cho điện lực
49	IOT	Nhóm MH SAFE ONE	Thiết bị	Thiết bị Cảnh báo cháy nhanh SAFEONE	Chiếc	3.000	3.000	4.500	17.838.000	17.841.000	Thiết bị cảnh báo cháy
50	Kênh truyền	Nhóm MH Kênh truyền	Thiết bị	Media Converter AC KCD-300D SL2	Chiếc	3.000	3.000	7.500	225.000	228.000	Thiết bị kênh truyền
51	Kênh truyền	Nhóm MH Kênh truyền	Thiết bị	Media Converter DC KCD-300D 48-SL2	Chiếc	-	-	7.500	1.185.000	1.185.000	Thiết bị kênh truyền

(Ban hành kèm theo thông báo số/TB-VTS ngày ... tháng ... năm ... của Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Việttel)

TÊN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẦU GIÁ

Mẫu biểu 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THÔNG KÊ CÁC HỢP ĐỒNG ĐÃ KÝ VỚI CÔNG TY MẸ - TẬP ĐOÀN VIÊN THÔNG QUÂN ĐỘI VÀ ĐÃ TỔ CHỨC CUỘC ĐẦU GIÁ THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐÓ
(ĐƠN VỊ.....NĂM)

STT	Số hiệu hợp đồng	Ngày tháng ký hợp đồng	Tên đối tác ký hợp đồng	Tên tài sản đầu giá	Mã số thuế của đối tác ký hợp đồng	Ngày tổ chức đấu giá	Giá khởi điểm (VNĐ)	Giá trúng đấu giá (VNĐ)	Ghi chú (đầu giá thành/ đầu giá không thành)
Tổng cộng									

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẦU GIÁ
....., ngày ... tháng ... năm 202...
(Người đại diện theo pháp luật của tổ chức hành nghề
đấu giá hoặc người được ủy quyền ký tên đóng dấu)

